

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC ⁽¹⁾CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị xác nhận chủng loại,
định lượng hàng hóa miễn thuế
theo điều ước quốc tếKính gửi: ... ⁽²⁾

Căn cứ khoản 12 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Tên tổ chức/cá nhân: ...

Mã số thuế: ...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ...

Ngày cấp: .../.../...

Nơi cấp: ...

Quốc tịch: ...

Địa chỉ: ...

Số điện thoại: ...

Số Fax: ...

Lĩnh vực hoạt động: ...

Lý do miễn thuế: (ghi cụ thể đối tượng miễn thuế, cơ sở xác định đối tượng miễn thuế) ...

Do điều ước quốc tế... không quy định cụ thể chủng loại, định lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế theo điều ước quốc tế, tổ chức, cá nhân... đề nghị ... ⁽²⁾ xác nhận hàng hóa miễn thuế theo điều ước quốc tế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu dưới đây của:

- Dự án đầu tư/hoạt động sử dụng hàng hóa miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu...

- Ngành nghề, địa bàn đầu tư ...

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện (ghi rõ mục đích xác nhận Danh mục thực hiện miễn thuế cho toàn bộ dự án hoặc theo hạng mục công trình hoặc giai đoạn hoặc tổ hợp, dây chuyền hoặc năm tài chính) ...

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ... số... ngày... được cấp bởi...

STT	Tên hàng, quy cách phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến xuất khẩu/nhập khẩu	Trị giá dự kiến xuất khẩu/nhập khẩu	Ghi chú

Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu từ ... đến ...

Tổ chức/cá nhân... cam kết xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đúng mục đích đã được miễn thuế.

Đề nghị ...⁽²⁾ xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu cho tổ chức/cá nhân ... theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

(2) Ghi tên cơ quan đề xuất ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế, cơ quan quản lý chuyên ngành.

TÊN CƠ QUAN ⁽¹⁾CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v xác nhận chủng loại,
định lượng hàng hóa miễn thuế
theo điều ước quốc tếKính gửi: Tổ chức/Cá nhân... ⁽²⁾

Căn cứ khoản 4 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ khoản 12 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Điều ước quốc tế ... ngày ... ký giữa...

Căn cứ hồ sơ đề nghị xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu theo điều ước quốc tế của tổ chức/cá nhân ⁽²⁾ ...

Nay, ... ⁽¹⁾ xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu theo điều ước quốc tế, cụ thể như sau:

1. Tên tổ chức/cá nhân: ...

Mã số thuế: ...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ...

Ngày cấp: .../.../...

Nơi cấp: ...

Quốc tịch:

Số điện thoại:

Số Fax: ...

2. Địa chỉ: ...

3. Tên dự án đầu tư/hoạt động sử dụng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế ...

4. Địa điểm thực hiện dự án/hoạt động sử dụng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế ...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ... số ... ngày ... được cấp bởi ...

6. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện (ghi rõ mục đích xác nhận Danh mục thực hiện miễn thuế cho toàn bộ dự án hoặc theo hạng mục công trình hoặc giai đoạn hoặc tổ hợp, dây chuyền hoặc năm tài chính) ...

STT	Tên hàng quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến xuất khẩu/nhập khẩu	Trị giá dự kiến xuất khẩu/nhập khẩu	Ghi chú

7. Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu từ ... đến ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan đề xuất ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành.

(2) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế theo điều ước quốc tế.

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾**BẢNG KÊ CHI TIẾT HÀNG HÓA NHẬP KHẨU MIỄN THUẾ
THEO TỔ HỢP, DÂY CHUYỀN***(Theo tờ khai số... ngày... tháng... năm ... tại Chi cục Hải quan...)*

1. Tên tổ chức/cá nhân:...

Mã số thuế: ...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ...

Ngày cấp: ...

Nơi cấp: ...

Quốc tịch: ...

2. Địa chỉ: ...

Số điện thoại: ...

Số Fax: ...

3. Tên dự án đầu tư:...

4. Địa điểm thực hiện dự án:...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ... số ... ngày ... được cấp bởi ...

6. Tên tổ hợp, dây chuyền nhập khẩu:...

7. Danh mục miễn thuế nhập khẩu số ... ngày ... đăng ký tại cơ quan hải quan ...

8. Thời gian dự kiến kết thúc nhập khẩu hàng hóa miễn thuế: ...

9. Thời gian dự kiến hoàn thiện lắp đặt tổ hợp, dây chuyền: ...

STT	Tên hàng quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá/trị giá dự kiến nhập khẩu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số					

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN***(hoặc người được ủy quyền)**(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Ghi chú:**⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

Cột 2: Ghi rõ tên, quy cách, phẩm chất của từng máy móc, thiết bị thuộc tổ hợp dây chuyền.

- Trường hợp tách được trị giá/trị giá dự kiến của từng dòng hàng nhập khẩu thì khai vào cột (5);

- Trường hợp không tách được thì khai tổng trị giá của lô hàng theo tờ khai vào dòng tổng số.

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v thông báo kết thúc nhập khẩu
hàng hóa theo tổ hợp, dây chuyền

Kính gửi: Cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế.

1. Tên tổ chức/cá nhân (chủ dự án): ...

Mã số thuế: ...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ...

Ngày cấp:

Nơi cấp: ...

Quốc tịch: ...

Số điện thoại: ...

Số Fax: ...

2. Địa chỉ:...

3. Tên dự án đầu tư:...

4. Địa điểm thực hiện dự án: ...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... số ... ngày ... được cấp bởi ...

6. Tên tổ hợp, dây chuyền nhập khẩu:...

7. Danh mục miễn thuế nhập khẩu số ... ngày ... đăng ký tại cơ quan hải quan ...

8. Thời gian nhập khẩu hàng hóa miễn thuế từ ngày ... đến ngày ...

9. Thời gian dự kiến hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền: ...

10. Số tiền thuế nhập khẩu của tổ hợp dây chuyền được miễn: ...

11. Cơ quan hải quan nơi nhập khẩu hàng hóa theo tổ hợp, dây chuyền:

12. Hàng hóa đã nhập khẩu thuộc tổ hợp, dây chuyền bao gồm:

STT	Tên hàng quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá nhập khẩu	Tờ khai nhập khẩu số/ngày	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng số					

Tổ chức/cá nhân... cam đoan nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:VT, ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN (hoặc người được ủy quyền)**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

- Cột (5): Trường hợp không khai báo được trị giá theo từng dòng hàng thì tổ chức, cá nhân khai báo trị giá theo tổ hợp, dây chuyền tại dòng tổng số.

8. Danh mục hàng hóa chưa nhập khẩu hết theo Danh mục miễn thuế số ...⁽²⁾ đã đăng ký/thông báo với cơ quan hải quan, được chủ dự án chuyển nhượng dự kiến tiếp tục nhập khẩu để thực hiện dự án:

STT	Tên hàng quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá/trị giá dự kiến nhập khẩu	Ghi chú

9. Danh mục hàng hóa chưa nhập khẩu hết theo Danh mục miễn thuế số...⁽²⁾ đã đăng ký/thông báo với cơ quan hải quan, được tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng dự kiến tiếp tục nhập khẩu:

STT	Tên hàng quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá/trị giá dự kiến nhập khẩu	Ghi chú

10. Tổ chức/cá nhân chuyển nhượng ... xin nộp lại bản chính Danh mục miễn thuế, Phiếu theo dõi trừ lùi và bản chụp Hợp đồng chuyển nhượng dự án (kèm theo) cho cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế (đối với trường hợp thông báo Danh mục bản giấy) để cơ quan hải quan được biết và theo dõi.

Tổ chức/cá nhân chuyển nhượng... xin cam kết những thông tin kê khai là hoàn toàn trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN (hoặc người được ủy quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

⁽²⁾ Ghi số, ngày Danh mục miễn thuế đã được tổ chức/cá nhân chuyển nhượng hàng hóa (chủ dự án) đã thông báo/đăng ký với cơ quan hải quan.

THÔNG BÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU MIỄN THUẾ

Tên tổ chức/cá nhân (chủ dự án): ...

Mã số thuế: ...

Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ...

ngày cấp ... nơi cấp ... tại...

Tên dự án đầu tư (Hạng mục đầu tư):...

Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án đầu tư (Hạng mục đầu tư)... Thời điểm kết thúc nhập khẩu hàng hoá ...

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... số ... ngày ... được cấp bởi...

Tên Hợp đồng: ...

Số: ... Ngày:....

STT	Hàng hóa nhập khẩu miễn thuế			Đã sử dụng đúng mục đích miễn thuế	Đã thay đổi mục đích miễn thuế		Đã tiêu hủy	Tồn kho chưa sử dụng	Hạch toán vào sổ tài sản cố định theo quy định		Ghi chú
	Tên hàng	Số lượng	Tờ khai số, ngày	Số lượng	Số lượng	Tờ khai thay đổi mục đích sử dụng số, ngày	Số lượng	Số lượng	Được hạch toán tài sản cố định	Không được hạch toán tài sản cố định	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN (hoặc người được ủy quyền)
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tổ chức/cá nhân... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu khai báo với cơ quan hải quan và lưu giữ các tài liệu có liên quan để xuất trình cơ quan hải quan khi thực hiện thanh tra, kiểm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN (hoặc người được ủy quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

Tổ chức/cá nhân... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu khai báo với cơ quan hải quan và lưu giữ các tài liệu có liên quan để xuất trình cơ quan hải quan khi thực hiện thanh tra, kiểm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN (hoặc người được ủy quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày... tháng ... năm ...

V/v thông báo dự án chính thức
hoạt động đối với dự án đầu tư tại
vùng nông thôn sử dụng từ 500
lao động trở lên

Kính gửi: Cơ quan hải quan nơi tiếp nhận Danh mục miễn thuế.

1. Tên tổ chức/cá nhân (chủ dự án):...

Mã số thuế: ...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ...

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: ...

Quốc tịch: ...

Số điện thoại: ... Số Fax: ...

2. Địa chỉ trụ sở của chủ dự án: ...

3. Tên dự án đầu tư ...

4. Địa điểm thực hiện dự án ...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... số... ngày... được cấp bởi...

Tổ chức/cá nhân... thông báo với cơ quan hải quan về ngày chính thức hoạt động của dự án là ...

Tổ chức/cá nhân... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu khai báo với cơ quan hải quan và lưu giữ các tài liệu có liên quan để xuất trình cơ quan hải quan khi thực hiện thanh tra, kiểm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN (hoặc người được ủy quyền)**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

**TÊN TỔ CHỨC
XUẤT KHẨU TẠI CHỖ ⁽¹⁾**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày... tháng... năm ...

**THÔNG BÁO
HOÀN THÀNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU TẠI CHỖ ⁽²⁾**

Kính gửi: Tên cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai xuất khẩu tại chỗ.

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân xuất khẩu tại chỗ

Tên người xuất khẩu tại chỗ: ...

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Địa chỉ: ...

Điện thoại: ...

Fax: ...

Email: ...

Hợp đồng đại lý hải quan (nếu có) số: ... ngày ...

2. Thông tin về hàng hóa xuất khẩu tại chỗ ⁽³⁾

- Số, ngày tờ khai: ... tại Chi cục Hải quan: ... thuộc Cục Hải quan tỉnh/TP...

- Mã loại hình tờ khai: ...

- Người mua hàng/người đặt gia công/người chỉ định giao hàng/người ủy quyền (tên, địa chỉ): ...

- Số ngày Hợp đồng xuất khẩu/hợp đồng gia công/chỉ định giao hàng/ủy quyền của thương nhân nước ngoài:...

3. Thông tin về tổ chức/cá nhân nhập khẩu tại chỗ

Tên người nhập khẩu tại chỗ: ...

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Địa chỉ: ...

Điện thoại: ...

Fax: ...

Email: ...

Tên đại lý hải quan (nộp thuế theo ủy quyền):...

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-TTg

..., ngày... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn thuế xuất khẩu/nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội/khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh/các trường hợp đặc biệt khác

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ ...;

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số ... ngày ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn thuế xuất khẩu/nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội/khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh/trường hợp đặc biệt khác...:

1. Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân được miễn thuế: ...
2. Chủng loại và số lượng hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu được miễn thuế gồm:

STT	Tên hàng quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Lượng dự kiến	Trị giá/Trị giá dự kiến	Số ngày chứng từ liên quan (Hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu; vận đơn...)	Ghi chú

Điều 2. Cơ quan/tổ chức/cá nhân nêu tại Điều 1 có trách nhiệm sử dụng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế đúng mục đích được miễn thuế.

Trường hợp sử dụng không đúng mục đích, cơ quan/tổ chức/cá nhân phải đăng ký tờ khai tờ khai hải quan mới, nộp thuế theo quy định của pháp luật trước khi thay đổi mục đích.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, ... và cơ quan/tổ chức/cá nhân... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-

- Lưu: VT,...

THỦ TƯỚNG

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN CAM KẾT

Về khả năng đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan
đối với khu phi thuế quan là doanh nghiệp chế xuất

I. Thông tin về nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư đăng ký là doanh nghiệp chế xuất

1. Tên nhà đầu tư: ...
2. Địa chỉ: ...
3. Thời điểm dự án dự kiến đi vào hoạt động: ...

II. Nội dung cam kết

Chúng tôi xin cam kết về khả năng đáp ứng đủ các điều kiện kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất chậm nhất 30 ngày trước thời điểm doanh nghiệp chính thức đi vào hoạt động, cụ thể như sau:

1. Có hàng rào cứng ngăn cách với khu vực bên ngoài; có cổng/cửa ra, vào đảm bảo việc đưa hàng hóa ra, vào doanh nghiệp chế xuất chỉ qua cổng/cửa.

2. Có hệ thống ca-mê-ra quan sát được các vị trí tại cổng/cửa ra, vào và các vị trí lưu giữ hàng hóa ở tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ); dữ liệu hình ảnh ca-mê-ra được kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp và được lưu giữ tại doanh nghiệp chế xuất tối thiểu 12 tháng.

3. Có phần mềm quản lý hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế của doanh nghiệp chế xuất để báo cáo quyết toán nhập - xuất - tồn về tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu theo quy định pháp luật về hải quan.

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung nêu trên./.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN

.....

.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA NHÀ ĐẦU TƯ***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

TÊN DOANH NGHIỆP... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc đã hoàn thành xây dựng, lắp đặt thiết bị đáp ứng điều kiện
kiểm tra, giám sát hải quan đối với khu phi thuế quan
là doanh nghiệp chế xuất

I. Thông tin về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp: ...
2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... ngày ... tháng ... năm ... Nơi cấp: ...
Điều chỉnh lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (nếu có).
3. Địa chỉ: ...
4. Mã số thuế: ...
5. Số điện thoại: ... số Fax: ...
6. Hàng hóa nhập khẩu được đăng ký tờ khai tại Chi cục Hải quan: ...
7. Thời gian hoàn thành việc xây dựng: ...
8. Thời gian chính thức đi vào hoạt động: ...⁽¹⁾

II. Nội dung thông báo

Doanh nghiệp..... xin trân trọng thông báo cho Chi cục Hải quan... về việc đã đáp ứng đầy đủ các quy định về điều kiện kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan đối với khu phi thuế quan là doanh nghiệp chế xuất kể từ ngày ..., bao gồm:

TT	CHỈ TIÊU
1	Hàng rào cứng ngăn cách với khu vực bên ngoài.
	Công/cửa ra, vào đảm bảo đưa hàng hóa ra, vào doanh nghiệp chế xuất chỉ qua công/cửa.
2	Hệ thống ca-mê-ra quan sát được các vị trí tại công/cửa ra, vào và các vị trí lưu giữ hàng hóa ở tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ); dữ liệu hình ảnh ca-mê-ra được kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp.
	Dữ liệu về hình ảnh ca-mê-ra được lưu giữ tại doanh nghiệp chế xuất tối thiểu 12 tháng.
3	Phần mềm quản lý hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế của doanh nghiệp chế xuất để báo cáo quyết toán nhập - xuất - tồn về tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu theo quy định pháp luật về hải quan.

Doanh nghiệp... xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông báo nêu trên. Đề nghị cơ quan hải quan kiểm tra và có xác nhận điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp... ./.

Nơi nhận:

- Chi cục Hải quan...
- Lưu: VT.....

..., ngày ... tháng ... năm ...
**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi theo thời điểm nêu trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh (nếu có) hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản xác nhận của cơ quan đăng ký đầu tư. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, không nêu thời điểm doanh nghiệp chế xuất chính thức đi vào hoạt động thì thời điểm doanh nghiệp chế xuất chính thức đi vào hoạt động là thời điểm doanh nghiệp bắt đầu sản xuất chính thức theo thông báo của doanh nghiệp với cơ quan hải quan.

TÊN CƠ QUAN HẢI QUAN... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc đáp ứng/không đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát của
cơ quan hải quan đối với khu phi thuế quan là doanh nghiệp chế xuất

I. Chi cục Hải quan ...:

Xác nhận lần đầu Xác nhận lại lần thứ: ...

1. Tên doanh nghiệp: ...
2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... ngày ... tháng ... năm ... Nơi cấp: ...
Điều chỉnh lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (nếu có)
3. Địa chỉ: ...
4. Mã số thuế: ...
5. Lĩnh vực đầu tư: ...
6. Số điện thoại: ... Số Fax:.....

II. Nội dung xác nhận

Doanh nghiệp... đã đáp ứng/không đáp ứng quy định về điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan như sau⁽¹⁾:

TT	CHỈ TIÊU	Đáp ứng	Không đáp ứng
1	Hàng rào cứng ngăn cách với khu vực bên ngoài.		
	Cổng/cửa ra, vào đảm bảo đưa hàng hóa ra, vào doanh nghiệp chế xuất chỉ qua cổng/cửa.		
2	Hệ thống ca-mê-ra quan sát được các vị trí tại cổng/cửa ra, vào và các vị trí lưu giữ hàng hóa ở tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ); dữ liệu hình ảnh ca-mê-ra được kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp.		
	Dữ liệu về hình ảnh ca-mê-ra được lưu giữ tại doanh nghiệp chế xuất tối thiểu 12 tháng.		

3	Phần mềm quản lý hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế của doanh nghiệp chế xuất để báo cáo quyết toán nhập - xuất - tồn về tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu theo quy định pháp luật về hải quan.		
---	--	--	--

Cơ quan Hải quan... xin thông báo để doanh nghiệp biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp;
- Lưu: VT...

...., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan được tiếp tục hoàn chỉnh điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan trong thời hạn tối đa không quá 01 năm kể từ ngày cấp văn bản xác nhận lần đầu.



Phụ lục VIIa

**CHỈ TIÊU THÔNG TIN VỀ THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ
ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

Kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP

ngày 1 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)

I. DANH SÁCH CÁC MẪU BIỂU KHAI BÁO

Mẫu số	Tên chứng từ
1	Công văn đề nghị hoàn thuế
2	Công văn đề nghị không thu thuế
3	Công văn đề nghị giảm thuế
4	Bảng kê chi tiết hàng hóa nhập khẩu theo tổ hợp, dây chuyền
5	Thông báo kết thúc nhập khẩu hàng hóa theo tổ hợp, dây chuyền
6	Thông báo chuyển nhượng dự án
7	Thông báo tình hình sử dụng hàng hóa miễn thuế
8	Thông báo hoàn thành chế tạo máy móc, thiết bị
9	Thông báo hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền

II. CHỈ TIÊU THÔNG TIN KHAI BÁO

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
1	Mẫu số 01	Công văn đề nghị hoàn thuế	
1.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp số công văn	
1.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành công văn	
1.3	Trường hợp hoàn thuế	Chọn một trong hai trường hợp sau: Hoàn thuế trước, kiểm tra sau Kiểm tra trước, hoàn thuế sau	
1.4	Nơi nhận	Nhập tên, mã cơ quan hải quan có thẩm quyền hoàn thuế	
		Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị hoàn thuế	
1.5	Tên người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế	
1.6	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người nộp thuế	
1.7	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Nhập số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của người nộp thuế.	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
1.8	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người nộp thuế	
1.9	Điện thoại	Nhập điện thoại của người nộp thuế	
1.10	Fax	Nhập số fax của người nộp thuế	
1.11	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế	
1.12	Tên của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập tên người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác trong trường hợp nộp thuế theo ủy quyền/ủy thác	
1.13	Mã số thuế của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập mã số thuế của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
1.14	Địa chỉ của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập địa chỉ của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
1.15	Điện thoại của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập số điện thoại của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
1.16	Fax của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập số fax của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
1.17	Email của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập địa chỉ thư điện tử của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
1.18	Số hợp đồng đại lý hải quan	Nhập số hợp đồng đại lý hải quan đối với trường hợp người được ủy quyền là đại lý hải quan	
1.19	Ngày hợp đồng đại lý hải quan	Nhập ngày của hợp đồng đại lý hải quan	
Nội dung đề nghị hoàn trả số tiền đã nộp ngân sách nhà nước (có thể nhập nhiều lần)			
1.20	Loại thuế		
1.21	Thuế xuất khẩu	Nhập số tiền thuế xuất khẩu	
1.22	Thuế nhập khẩu	Nhập số tiền thuế nhập khẩu	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
1.23	Thuế tự vệ	Nhập số tiền thuế tự vệ	
1.24	Thuế chống bán phá giá	Nhập số tiền thuế chống bán phá giá	
1.25	Thuế chống trợ cấp	Nhập số tiền thuế chống trợ cấp	
1.26	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Nhập số tiền thuế tiêu thụ đặc biệt	
1.27	Thuế bảo vệ môi trường	Nhập số tiền thuế bảo vệ môi trường	
1.28	Thuế giá trị gia tăng	Nhập số tiền thuế giá trị gia tăng	
1.29	Tờ khai hải quan, tờ khai bổ sung	Nhập số tờ khai hải quan, tờ khai bổ sung	
1.30	Ngày tờ khai	Nhập ngày tờ khai hải quan, tờ khai bổ sung	
1.31	Quyết định ấn định thuế	Nhập số Quyết định ấn định thuế	
1.32	Ngày Quyết định	Nhập ngày ban hành Quyết định ấn định thuế	
1.33	Số tiền thuế đã nộp vào tài khoản	Chọn một trong hai ô sau đây: “Thu Ngân sách nhà nước”: Nhập số tiền thuế đã nộp vào tài khoản thu ngân sách nhà nước theo từng sắc thuế “Tài khoản tiền gửi”: Nhập số tiền thuế đã nộp vào tài khoản tiền gửi theo từng sắc thuế	
1.34	Số tiền thuế đề nghị bù trừ từ số tiền thuế, thu khác còn nợ	Nhập số tiền thuế đề nghị bù trừ từ số tiền thuế, thu khác còn nợ	
1.35	Số tiền thuế đề nghị bù trừ vào số tiền thuế phải nộp	Nhập số tiền thuế đề nghị bù trừ vào số tiền thuế phải nộp	
1.36	Số tiền thuế đề nghị hoàn trả trực tiếp	Nhập số tiền thuế đề nghị hoàn trả trực tiếp	
1.37	Lý do đề nghị hoàn	Nhập nội dung đề nghị hoàn theo quy định tại điểm, khoản, Điều của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan	
1.38	Tổng số tiền	Hệ thống tự động nhập tổng số tiền thuế tại các mục	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	Thông tin về hàng hóa đề nghị hoàn thuế		
1.39	Thực hiện thanh toán qua ngân hàng	Chọn một trong hai ô sau: Chọn có và nhập số chứng từ thanh toán Chọn không	
1.40	Hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến	Chọn một trong hai ô sau: Có Không	
1.41	Đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập tái xuất	“Thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam”: Nhập thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam “Tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa”: Nhập tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa “Thực hiện theo hình thức thuê”: Chọn nhập thực hiện theo hình thức thuê: Có Không “Giá tính thuế nhập khẩu tính trên giá đi thuê, đi mượn”: Chọn nhập một trong ô sau: Có Không	
1.42	Hình thức hoàn trả	Chọn một trong các hình thức hoàn trả tại các ô sau: Bù trừ cho số tiền thuế, thu khác còn nợ thuộc tờ khai hải quan, nhập: - Số tờ khai hải quan - Ngày tờ khai hải quan Bù trừ vào số tiền thuế phải nộp thuộc tờ khai hải quan - Nhập số tờ khai hải quan - Nhập ngày tờ khai hải quan Hoàn trả trực tiếp bằng tiền mặt nhập các chỉ tiêu: - Số tiền bằng số - Số tiền bằng chữ - Kho bạc nhà nước nơi người nộp thuế nhận tiền hoàn thuế Hoàn trả trực tiếp bằng chuyển khoản nhập các chỉ tiêu: - Số tiền bằng số - Số tiền bằng chữ	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
		- Nhập tên ngân hàng (kho bạc nhà nước)	
1.43	Hồ sơ tài liệu kèm theo	Nhập danh sách hồ sơ tài liệu đính kèm	
1.44	Xác nhận của nhân viên đại lý hải quan	Nhập các chỉ tiêu sau: - Họ và tên - Số Chứng chỉ hành nghề	
1.45	Xác nhận của người nộp thuế hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế	Nhập các chỉ tiêu sau: - Họ và tên - Chức vụ	
2	Mẫu số 02	Công văn đề nghị không thu thuế	
2.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp số công văn	
2.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành công văn	
2.3	Nơi nhận	Nhập tên, mã cơ quan hải quan có thẩm quyền không thu thuế	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị không thu thuế		
2.4	Tên người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế	
2.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người nộp thuế	
2.6	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Nhập số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của người nộp thuế.	
2.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người nộp thuế	
2.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của người nộp thuế	
2.9	Fax	Nhập số fax của người nộp thuế	
2.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế	
2.11	Tên của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập tên của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
2.12	Mã số thuế của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập mã số thuế của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
2.13	Địa chỉ của người được ủy quyền/tổ chức	Nhập địa chỉ của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	nhận ủy thác		
2.14	Điện thoại của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập số điện thoại của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
2.15	Fax của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập số fax của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
2.16	Email của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập địa chỉ thư điện tử của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
2.17	Số hợp đồng đại lý hải quan	Nhập số hợp đồng đại lý hải quan đối với trường hợp người được ủy quyền là đại lý hải quan	
2.18	Ngày hợp đồng đại lý hải quan	Nhập ngày của hợp đồng đại lý hải quan đối với trường hợp người được ủy quyền là đại lý hải quan	
Thông tin về hàng hóa đề nghị không thu thuế			
2.19	Số tờ khai hải quan	Nhập số tờ khai hải quan	
2.20	Ngày tháng năm của tờ khai	Nhập ngày tháng năm đăng ký tờ khai hải quan	
2.21	Nơi đăng ký tờ khai có hàng hóa đề nghị không thu thuế	Nhập tên cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan có hàng hóa đề nghị không thu thuế	
2.22	Tên hàng đề nghị không thu thuế	Nhập mã hàng, tên hàng, mô tả hàng hóa đề nghị không thu thuế	
2.23	Số lượng hàng hóa đề nghị không thu thuế	Nhập số lượng hàng hóa đề nghị không thu thuế	
2.24	Trị giá hàng hóa đề nghị không thu thuế	Nhập trị giá hàng hóa đề nghị không thu thuế	
2.25	Thực hiện thanh toán qua	Chọn một trong hai chỉ tiêu: Có và nhập số chứng từ thanh toán	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	ngân hàng	Không	
2.26	Hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến	Chọn một trong hai chỉ tiêu sau để xác nhận hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến:	
		Có	
		Không	
2.27	Đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất thuộc trường hợp hoàn thuế nhưng người nộp thuế chưa nộp thuế	“Thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam”: Nhập thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam	
		“Tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa”: Nhập tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa	
		“Thực hiện theo hình thức thuế”: Chọn một trong hai ô sau:	
		Có	
		Không	
		Giá tính thuế nhập khẩu tính trên giá đi thuế, đi mượn”: Chọn một trong hai ô sau:	
		Có	
Không			
Thông tin về số tiền thuế đề nghị không thu thuế (có thể nhập nhiều lần)			
2.28	Thuế xuất khẩu	Nhập số tiền thuế xuất khẩu đề nghị không thu	
2.29	Thuế nhập nhập	Nhập số tiền thuế nhập khẩu đề nghị không thu thuế	
2.30	Thuế chống bán phá giá	Nhập số tiền thuế chống bán phá giá đề nghị không thu thuế	
2.31	Thuế tự vệ	Nhập số tiền thuế tự vệ đề nghị không thu thuế	
2.32	Thuế chống trợ cấp	Nhập số tiền thuế chống trợ cấp đề nghị không thu thuế	
2.33	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Nhập số tiền thuế tiêu thụ đặc biệt đề nghị không thu thuế	
2.34	Thuế bảo vệ môi trường	Nhập số tiền thuế bảo vệ môi trường đề nghị không thu thuế	
2.35	Thuế giá trị gia	Nhập số tiền thuế giá trị gia tăng đề nghị	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	tăng (GTGT)	không thu thuế	
2.36	Tổng cộng	Hệ thống tự động tính tổng số tiền thuế đề nghị không thu của các sắc thuế từ chỉ tiêu 2.28 đến 2.35	
2.37	Lý do đề nghị không thu thuế	Nhập lý do đề nghị không thu thuế, trong đó nêu rõ điều, khoản của văn bản áp dụng	
2.38	Hồ sơ tài liệu kèm theo	Nhập danh sách hồ sơ tài liệu đính kèm	
2.39	Xác nhận của nhân viên đại lý hải quan	Nhập các chỉ tiêu sau: - Họ và tên - Số Chứng chỉ hành nghề	
2.40	Xác nhận của người nộp thuế hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế	Nhập các chỉ tiêu sau: - Họ và tên - Chức vụ	
3	Mẫu số 3	Công văn đề nghị giảm thuế	
3.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp số công văn	
3.2	Ngày	Hệ thống tự động ngày phát hành công văn	
3.3	Nơi nhận	Nhập tên cơ quan hải quan có thẩm quyền xử lý giảm thuế	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị giảm thuế		
3.4	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế	
3.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế	
3.6	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Nhập số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế	
3.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế	
3.8	Điện thoại	Nhập số điện thoại của tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế	
3.9	Fax	Nhập số fax của tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế.	
	Nội dung đề nghị giảm thuế		
3.10	Nội dung đề nghị giảm	Nhập nội dung đề nghị giảm thuế	
3.11	Lý do đề nghị	Nhập lý do đề nghị giảm thuế	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	giảm thuế		
	Thông tin về hàng hóa bị thiệt hại đề nghị giảm thuế (có thể nhập nhiều lần)		
3.12	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Nhập tên hàng hóa, quy cách, phẩm chất của hàng hóa bị thiệt hại đề nghị giảm thuế theo tên đã khai báo trên tờ khai hải quan	
3.13	Số tờ khai	Nhập số tờ khai hải quan có hàng hóa bị thiệt hại đề nghị giảm thuế	
3.14	Ngày phát sinh tờ khai	Nhập ngày của tờ khai hải quan có hàng hóa bị thiệt hại đề nghị giảm thuế	
3.15	Lượng hàng hóa nhập khẩu theo tờ khai hải quan	Nhập số lượng hàng hóa nhập khẩu theo số lượng đã khai báo trên tờ khai hải quan đối với hàng hóa bị thiệt hại đề nghị giảm thuế	
3.16	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính của hàng hóa đề nghị giảm thuế theo đơn vị tính đã khai trên tờ khai hải quan nhập khẩu	
3.17	Trị giá tính thuế	Nhập trị giá tính thuế của hàng hóa đề nghị giảm thuế theo trị giá tính thuế đã khai báo trên tờ khai nhập khẩu	
3.18	Tỷ lệ tổn thất	Nhập tỷ lệ tổn thất của hàng hóa đề nghị giảm thuế	
3.19	Loại thuế	Nhập loại thuế đề nghị giảm	
3.20	Số tiền thuế phải nộp	Tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế tự tính và nhập số tiền thuế phải nộp tương ứng với số hàng hóa đề nghị giảm thuế	
3.21	Số tiền thuế đề nghị giảm	Tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế tự tính và nhập số tiền thuế đề nghị giảm đối với số hàng hóa bị thiệt hại.	
3.22	Hồ sơ, tài liệu kèm theo	Tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế đính kèm hồ sơ giảm thuế theo quy định	
4	Mẫu số 04	Bảng kê chi tiết hàng hóa nhập khẩu theo tổ hợp, dây chuyền	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa		
4.1	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên chủ dự án đầu tư	
4.2	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của chủ dự án đầu tư	
4.3	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu,	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của chủ dự án đầu tư	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch		
4.4	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của chủ dự án đầu tư	
4.5	Điện thoại	Nhập điện thoại của chủ dự án đầu tư	
4.6	Fax	Nhập số fax của chủ dự án đầu tư	
4.7	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của chủ dự án đầu tư	
	Thông tin về hàng hóa dự kiến nhập khẩu miễn thuế theo tổ hợp, dây chuyền		
4.8	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư	
4.9	Địa điểm thực hiện dự án	Nhập địa điểm thực hiện dự án theo nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
4.10	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
4.11	Tên tổ hợp, dây chuyền nhập khẩu	Nhập tên tổ hợp, dây chuyền nhập khẩu theo tờ khai hải quan	
4.12	Danh mục miễn thuế nhập	Nhập số Danh mục miễn thuế	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	khẩu của tổ hợp, dây chuyền		
4.13	Thời gian dự kiến kết thúc nhập khẩu hàng hóa miễn thuế	Nhập ngày tháng năm dự kiến kết thúc nhập khẩu hàng hóa miễn thuế	
4.14	Thời gian dự kiến hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền	Nhập ngày tháng năm dự kiến hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền	
4.15	Tên hàng hóa nhập khẩu	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần tên hàng hóa nhập khẩu đề nghị miễn thuế	
4.16	Đơn vị tính	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần đơn vị tính hàng hóa nhập khẩu	
4.17	Số lượng	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần số lượng hàng hóa đề nghị miễn thuế	
4.18	Trị giá/trị giá dự kiến	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần trị giá hoặc trị giá dự kiến của từng dòng hàng nhập khẩu	
4.19	Tổng	Nhập tổng trị giá hàng hóa dự kiến nhập khẩu đối với trường hợp không xác định được trị giá của từng dòng hàng tại điểm 4.18	
5	Mẫu số 05	Thông báo kết thúc nhập khẩu hàng hóa theo tổ hợp, dây chuyền	
5.1	Số công văn	Hệ thống tự động cập	
5.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày, tháng, năm	
5.3	Mã đơn vị hải quan nhận công văn	Nhập mã đơn vị cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế	
Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa			
5.4	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên chủ dự án đầu tư	
5.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của chủ dự án đầu tư	
5.6	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu,	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của chủ dự án đầu tư	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch		
5.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của chủ dự án đầu tư	
5.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của chủ dự án đầu tư	
5.9	Fax	Nhập số fax của chủ dự án đầu tư	
5.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của chủ dự án đầu tư	
	Thông tin về hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo tổ hợp, dây chuyền		
5.11	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư	
5.12	Địa điểm thực hiện dự án	Nhập địa điểm thực hiện dự án theo nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
5.13	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
5.14	Tên tổ hợp, dây chuyền nhập khẩu	Nhập tên tổ hợp, dây chuyền nhập khẩu theo tờ khai hải quan	
5.15	Danh mục miễn thuế nhập khẩu của tổ hợp, dây	Nhập số Danh mục miễn thuế đã được cơ quan hải quan tiếp nhận	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	chuyên		
5.16	Thời gian nhập khẩu hàng hóa miễn thuế	Nhập ngày tháng năm nhập khẩu hàng hóa miễn thuế	
5.17	Thời gian dự kiến hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền	Nhập ngày tháng năm dự kiến hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền	
5.18	Số tiền thuế nhập khẩu của tổ hợp dây chuyền được miễn thuế	Nhập số tiền thuế được miễn của tổ hợp dây chuyền	
5.19	Cơ quan hải quan nơi nhập khẩu hàng hóa theo tổ hợp, dây chuyền	Nhập mã số cơ quan hải quan nơi nhập khẩu hàng hóa theo tổ hợp, dây chuyền	
5.20	Tên hàng hóa nhập khẩu	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần tên hàng hóa nhập khẩu đề nghị miễn thuế	
5.21	Đơn vị tính	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần đơn vị tính hàng hóa nhập khẩu	
5.22	Số lượng	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần số lượng hàng hóa đề nghị miễn thuế	
5.23	Trị giá nhập khẩu	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần trị giá của từng dòng hàng nhập khẩu	
5.24	Tờ khai nhập khẩu số/ngày	Nhập số ngày tờ khai hải quan nhập khẩu hàng hóa theo tổ hợp, dây chuyền	
5.25	Ghi chú	Nhập thông tin cần ghi chú	
6	Mẫu số 06	Thông báo chuyển nhượng dự án	
6.1	Số công văn	Hệ thống tự động cập	
6.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày, tháng, năm	
6.3	Mã đơn vị hải quan nhận công văn	Nhập mã đơn vị cơ quan hải quan nơi tiếp nhận Danh mục miễn thuế	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa		
6.4	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên chủ dự án đầu tư	
6.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của chủ dự án đầu tư	
6.6	Số CMND/Căn	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu,	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của chủ dự án đầu tư	
6.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của chủ dự án đầu tư	
6.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của chủ dự án đầu tư	
6.9	Fax	Nhập số fax của chủ dự án đầu tư	
6.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của chủ dự án đầu tư	
Thông tin về hàng hóa nhập khẩu miễn thuế			
6.11	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư	
6.12	Địa điểm thực hiện dự án	Nhập địa điểm thực hiện dự án theo nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
6.13	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
6.14	Lý do miễn thuế	Nhập văn bản quy định việc miễn thuế (ghi rõ điều khoản áp dụng)	
6.15	Số Danh mục miễn thuế	Nhập số Danh mục miễn thuế đã được cơ quan hải quan tiếp nhận	
6.16	Tên hàng hóa	Nhập tên hàng hóa đã được miễn thuế theo	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	nhập khẩu	tờ khai hải quan	
6.17	Tờ khai nhập khẩu	Nhập số ngày tờ khai nhập khẩu hàng hóa đã được miễn thuế	
6.18	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa đã được miễn thuế	
6.19	Tờ khai hải quan nhập khẩu	Nhập số ngày tờ khai hải quan nhập khẩu của hàng hóa đã được miễn thuế	
Thông tin về hàng hóa đã được miễn thuế chuyển nhượng			
6.20	Hình thức chuyển nhượng	Chọn một trong hai hình thức:	
		Chuyển nhượng một phần dự án	
		Chuyển nhượng toàn bộ dự án	
6.21	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa miễn thuế chuyển nhượng	
6.22	Trị giá	Nhập trị giá hàng hóa miễn thuế chuyển nhượng	
Thông tin về hàng hóa còn lại chưa chuyển nhượng (đối với trường hợp chuyển nhượng một phần dự án)			
6.23	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa miễn thuế còn lại sau chuyển nhượng	
6.24	Trị giá	Nhập trị giá hàng hóa miễn thuế còn lại sau chuyển nhượng	
6.25	Ghi chú	Nhập thông tin cần ghi chú	
Thông tin về tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa			
6.26	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
6.27	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
6.28	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
6.29	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
6.30	Điện thoại	Nhập điện thoại của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
6.31	Fax	Nhập số fax của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
6.32	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
Thông tin về hàng hóa nhập chuyển nhượng			
6.33	Tên hàng hóa nhập chuyển nhượng	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần tên hàng hóa nhập khẩu nhận chuyển nhượng	
6.34	Đơn vị tính	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần đơn vị tính hàng hóa nhập khẩu nhận chuyển nhượng	
6.35	Số lượng	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần số lượng hàng hóa nhập khẩu nhận chuyển nhượng	
6.36	Trị giá/trị giá dự kiến	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần trị giá/trị giá dự kiến của từng dòng hàng nhập khẩu nhận chuyển nhượng	
6.37	Danh mục miễn thuế	Nhập số Danh mục miễn thuế có hàng hóa nhập chuyển nhượng	
6.38	Ghi chú	Nhập thông tin cần ghi chú	
7	Mẫu số 07	Thông báo tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế	
7.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp	
7.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày, tháng, năm	
7.3	Mã đơn vị hải quan nhận công văn	Nhập mã đơn vị cơ quan hải quan nơi tiếp nhận Danh mục miễn thuế	
Thông tin về tổ chức, cá nhân sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế			
7.4	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên chủ dự án đầu tư	
7.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của chủ dự án đầu tư	
7.6	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của chủ dự án đầu tư	
7.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của chủ dự án đầu tư	
7.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của chủ dự án đầu tư	
7.9	Fax	Nhập số fax của chủ dự án đầu tư	
7.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của chủ dự án đầu tư	
Thông tin về hàng hóa nhập khẩu miễn thuế			

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
7.11	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư	
7.12	Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án đầu tư	Nhập ngày tháng năm bắt đầu thực hiện dự án đầu tư	
7.13	Thời điểm kết thúc nhập khẩu hàng hóa	Nhập ngày tháng năm kết thúc nhập khẩu hàng hóa	
7.14	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
7.15	Tên hợp đồng	Nhập tên hợp đồng; số ngày tháng của hợp đồng	
7.16	Tên hàng hóa nhập khẩu miễn thuế	Nhập tên hàng hóa đã được miễn thuế nhập khẩu	
7.17	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa đã được miễn thuế nhập khẩu	
7.18	Tờ khai hải quan	Nhập số tờ khai hải quan nhập khẩu	
	Thông tin về hàng hóa đã sử dụng đúng mục đích miễn thuế		
7.19	Số lượng	Nhập số lượng hàng hóa	
	Thông tin về hàng hóa đã thay đổi mục đích sử dụng		

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
7.20	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa đã thay đổi mục đích miễn thuế	
7.21	Tờ khai hải quan	Nhập số ngày tờ khai hải quan nhập khẩu hàng hóa đã thay đổi mục đích miễn thuế	
Thông tin về hàng hóa đã tiêu hủy			
7.22	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa đã tiêu hủy	
Thông tin về hàng hóa tồn kho chưa sử dụng			
7.23	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa còn tồn kho, chưa sử dụng	
Thông tin về việc hàng hóa nhập khẩu được hạch toán vào tài sản cố định			
7.24	Hạch toán vào tài sản cố định	Chọn một trong hai hình thức sau:	
		Hàng hóa nhập khẩu được hạch toán vào tài sản cố định	
		Hàng hóa nhập khẩu không được hạch toán vào tài sản cố định	
7.25	Ghi chú	Nhập thông tin cần ghi chú	
8	Mẫu số 08	Thông báo hoàn thành chế tạo máy móc, thiết bị	
8.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp	
8.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày, tháng, năm	
8.3	Mã đơn vị hải quan nhận công văn	Nhập mã đơn vị cơ quan hải quan nơi tiếp nhận Danh mục miễn thuế	
Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa			
8.4	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên chủ dự án đầu tư	
8.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của chủ dự án đầu tư	
8.6	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của chủ dự án đầu tư	
8.7	Điện thoại	Nhập điện thoại của chủ dự án đầu tư	
8.8	Fax	Nhập số fax của chủ dự án đầu tư	
8.9	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của chủ dự án đầu tư	
Thông tin về hàng hóa nhập khẩu miễn thuế để chế tạo máy móc, thiết bị			

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
8.10	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư	
8.11	Địa điểm thực hiện dự án	Nhập địa điểm thực hiện dự án theo nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
8.12	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
8.13	Tên hàng hóa nhập khẩu dùng để chế tạo	Nhập tên hàng hóa theo tờ khai hải quan	
8.14	Tờ khai nhập khẩu dùng để chế tạo	Nhập số ngày tờ khai nhập khẩu hàng hóa dùng để chế tạo	
8.15	Đơn vị tính hàng hóa nhập khẩu dùng để chế tạo	Nhập đơn vị tính hàng hóa dùng để chế tạo theo tờ khai hải quan	
8.16	Số Danh mục miễn thuế	Nhập số Danh mục hàng hóa miễn thuế	
8.17	Số lượng hàng hóa nhập khẩu	Nhập số lượng hàng hóa dùng để chế tạo	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	dùng để chế tạo	theo tờ khai hải quan	
8.18	Số lượng hàng hóa đã sử dụng để chế tạo	Nhập số lượng hàng hóa đã sử dụng để chế tạo	
8.19	Số lượng hàng hóa dư thừa sau chế tạo	Nhập số lượng hàng hóa dư thừa sau chế tạo	
8.20	Tên hàng hóa sau chế tạo	Nhập tên hàng hóa sau khi chế tạo	
8.21	Đơn vị tính hàng hóa sau chế tạo	Nhập đơn vị tính của hàng hóa sau khi chế tạo	
8.22	Số lượng hàng hóa sau chế tạo	Nhập số lượng của hàng hóa sau khi chế tạo	
8.23	Ghi chú	Nhập thông tin cần ghi chú	
9	Mẫu số 09	Thông báo hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền	
9.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp	
9.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày, tháng, năm	
9.3	Mã đơn vị hải quan nhận công văn	Nhập mã đơn vị cơ quan hải quan nơi tiếp nhận Danh mục miễn thuế	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa		
9.4	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên chủ dự án đầu tư	
9.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của chủ dự án đầu tư	
9.6	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của chủ dự án đầu tư	
9.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của chủ dự án đầu tư	
9.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của chủ dự án đầu tư	
9.9	Fax	Nhập số fax của chủ dự án đầu tư	
9.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của chủ dự án đầu tư	
	Thông tin về hàng hóa nhập khẩu miễn thuế để lắp đặt tổ hợp, dây chuyền		

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
9.11	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư	
9.12	Địa điểm thực hiện dự án	Nhập địa điểm thực hiện dự án theo nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
9.13	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
9.14	Tên hàng hóa nhập khẩu dùng để lắp đặt tổ hợp dây chuyên	Nhập tên hàng hóa theo tờ khai hải quan	
9.15	Tờ khai nhập khẩu dùng để chế tạo	Nhập số ngày tờ khai nhập khẩu hàng hóa dùng để lắp đặt tổ hợp dây chuyên	
9.16	Đơn vị tính hàng hóa nhập khẩu dùng để lắp đặt tổ hợp dây chuyên	Nhập đơn vị tính hàng hóa dùng để lắp đặt tổ hợp dây chuyên theo tờ khai hải quan	
9.17	Số Danh mục miễn thuế	Nhập số Danh mục hàng hóa miễn thuế	
9.18	Số lượng hàng	Nhập số lượng hàng hóa dùng để lắp đặt tổ	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	hóa nhập khẩu dùng để lắp đặt tổ hợp dây chuyên	hợp dây chuyên theo tờ khai hải quan	
9.19	Số lượng hàng hóa đã sử dụng để lắp đặt tổ hợp dây chuyên	Nhập số lượng hàng hóa đã sử dụng để lắp đặt tổ hợp dây chuyên	
9.20	Số lượng hàng hóa dư thừa sau lắp đặt tổ hợp dây chuyên	Nhập số lượng hàng hóa dư thừa sau lắp đặt tổ hợp dây chuyên	
9.21	Tên hàng hóa sau lắp đặt	Nhập tên tổ hợp, dây chuyên sau lắp đặt	
9.22	Đơn vị tính hàng hóa sau lắp đặt	Nhập đơn vị tính của hàng hóa sau lắp đặt	
9.23	Số lượng hàng hóa sau lắp đặt	Nhập số lượng của hàng hóa sau lắp đặt	
9.24	Ghi chú	Nhập thông tin cần ghi chú	



Phụ lục VIII

DANH MỤC SẢN PHẨM NÔNG SẢN CHƯA QUA CHẾ BIẾN

Kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Ghi chú
			Chương 7	
			Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được	
07.01			Khoai tây, tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên củ đã hoặc chưa gọt vỏ
0702	00	00	Cà chua, tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên quả
07.03			Hành tây, hành, hẹ, tỏi, tỏi tây và các loại rau họ hành, tỏi khác, tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên củ
07.04			Bắp cải, súp lơ, su hào, cải xoăn và cây họ bắp cải ăn được tương tự, tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên bắp, nguyên hoa, nguyên củ
07.05			Rau diếp, xà lách (<i>Lactuca sativa</i>) và rau diếp xoăn (<i>Cichorium spp.</i>), tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên cây
07.06			Cà rốt, củ cải, củ dền làm sa-lát, diếp củ (salsify), cần củ (celeriac), củ cải ri (radish) và các loại củ rễ ăn được tương tự, tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên củ đã hoặc chưa gọt vỏ
0707	00	00	Dưa chuột và dưa chuột ri, tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên quả
07.08			Rau đậu, đã hoặc chưa bóc vỏ, tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên quả
07.09			Rau khác, tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên cây
07.10			Rau các loại (đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước), đông lạnh.	Nguyên cây chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước
07.11			Rau các loại đã bảo quản tạm thời (ví dụ, bằng khí sunphuro, ngâm nước muối, ngâm nước lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác), nhưng không ăn ngay được.	Nguyên cây

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Ghi chú
07.12		Rau khô, ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột, nhưng chưa chế biến thêm.	Ở dạng nguyên cây
07.14		Sắn, củ dong, củ lan, a-ti-sô Jerusalem, khoai lang và các loại củ và rễ tương tự có hàm lượng tinh bột hoặc inulin cao, tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa thái lát hoặc làm thành dạng viên; lõi cây cọ sago.	Nguyên củ; nguyên lõi
		Chương 8	
		Quả và quả hạch (nuts) ăn được; vỏ quả thuộc họ cam quýt hoặc các loại dưa	
08.01		Dừa, quả hạch Brazil (Brazil nuts) và hạt điều, tươi hoặc khô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc lột vỏ.	Nguyên quả tươi hoặc khô, chưa bóc vỏ hoặc chưa lột vỏ
08.02		Quả hạch (nuts) khác, tươi hoặc khô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc lột vỏ.	Nguyên quả tươi hoặc khô, chưa bóc vỏ hoặc chưa lột vỏ
08.03		Chuối, kể cả chuối lá, tươi hoặc khô.	Nguyên quả tươi hoặc khô
08.04		Quả chà là, sung, vả, dứa, bơ, ổi, xoài và măng cụt, tươi hoặc khô.	Nguyên quả tươi hoặc khô
08.05		Quả thuộc chi cam quýt, tươi hoặc khô.	Nguyên quả tươi hoặc khô
08.06		Quả nho, tươi hoặc khô.	Nguyên quả tươi hoặc khô
08.07		Các loại quả họ dưa (kể cả dưa hấu) và đu đủ, tươi.	Nguyên quả tươi
08.08		Quả táo (apples), lê và quả mận qua, tươi.	Nguyên quả tươi
08.09		Quả mơ, anh đào, đào (kể cả xuân đào), mận và mận gai, tươi.	Nguyên quả tươi
08.10		Quả khác, tươi.	Nguyên quả tươi
08.11		Quả và quả hạch (nuts), đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh, đã hoặc chưa thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác.	Nguyên quả chưa hấp chín hoặc luộc chín, chưa cho thêm đường hoặc chất ngọt khác

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Ghi chú
08.12			Quả và quả hạch (nuts), được bảo quản tạm thời (ví dụ, bằng khí sunphur, ngâm nước muối, nước lưu huỳnh hoặc dung dịch bảo quản khác), nhưng không ăn ngay được.	Nguyên quả
08.13			Quả, khô, trừ các loại quả thuộc nhóm 08.01 đến 08.06; hỗn hợp các loại quả hạch (nuts) hoặc quả khô thuộc Chương này.	Nguyên quả
			Chương 9	
			Cà phê, chè, chè Paraguay và các loại gia vị	
09.01			Cà phê, rang hoặc chưa rang, đã hoặc chưa khử chất caffeine; vỏ quả và vỏ lụa cà phê; các chất thay thế cà phê có chứa cà phê theo tỷ lệ nào đó.	Cà phê chưa rang, chưa xay, chưa khử chất ca-phê-in, đã bóc vỏ hoặc chưa
09.02			Chè, đã hoặc chưa pha hương liệu.	Chè tươi, phơi khô, chưa pha hương liệu và chưa ủ men
09.04			Hạt tiêu thuộc chi <i>Piper</i> ; quả ớt thuộc chi <i>Capsicum</i> hoặc chi <i>Pimenta</i> , khô hoặc xay hoặc nghiền.	Nguyên hạt, chưa xay hoặc nghiền
09.06			Quế và hoa quế.	Chưa xay hoặc nghiền
0907	00	00	Đinh hương (cả quả, thân và cành).	Chưa rang, xay hoặc nghiền
09.08			Hạt nhục đậu khấu, vỏ nhục đậu khấu và bạch đậu khấu.	Nguyên hạt, chưa rang, xay hoặc nghiền
09.09			Hạt của hoa hồi anise (tiểu hồi), hoa hồi badian (đại hồi), thì là, rau mùi, thì là Ai cập hoặc ca-rum (caraway); hạt bách xù (juniper berries).	Chưa rang, xay hoặc nghiền
09.10			Gừng, nghệ tây, nghệ (curcuma), húng tây, cỏ xạ hương, lá nguyệt quế, ca-ri (curry) và các loại gia vị khác.	Chưa rang, xay hoặc nghiền
			Chương 10	
			Ngũ cốc	
10.05			Ngô.	Ngô sống, chưa rang nở

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Ghi chú
10.06			Lúa gạo.	Nguyên hạt, không quá 25% tấm
10.07			Lúa miến.	Nguyên hạt
			Chương 12	
			Hạt đậu và quả có dầu; các loại hạt, hạt giống và quả khác; cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rơm, rạ và cỏ khô	
12.01			Đậu tương, đã hoặc chưa vỡ mảnh.	Nguyên hạt chưa vỡ mảnh chưa ăn ngay được
12.02			Lạc chưa rang, hoặc chưa làm chín cách khác, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc vỡ mảnh.	Nguyên củ hoặc hạt, đã hoặc chưa bóc vỏ, chưa vỡ mảnh, chưa ăn ngay được
1204	00	00	Hạt lanh, đã hoặc chưa vỡ mảnh.	Nguyên hạt chưa vỡ mảnh
12.05			Hạt cải dầu đã hoặc chưa vỡ mảnh.	Nguyên hạt chưa vỡ mảnh, chưa ăn ngay được
1206	00	00	Hạt hướng dương, đã hoặc chưa vỡ mảnh.	Nguyên hạt chưa vỡ mảnh, chưa ăn ngay được
12.07			Quả và hạt có dầu khác, đã hoặc chưa vỡ mảnh.	Nguyên quả hoặc hạt chưa vỡ mảnh, chưa ăn ngay được
12.11			Các loại cây và các bộ phận của cây (kể cả hạt và quả), chủ yếu dùng làm nước hoa, làm dược phẩm hoặc thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm hoặc các mục đích tương tự, tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa cắt, nghiền hoặc xay thành bột.	Tươi hoặc khô, chưa cắt, chưa nghiền hoặc chưa xay thành bột
12.12			Quả minh quyết, rong biển và các loại tảo khác, củ cải đường (sugar beet) và mía đường, tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa nghiền; hạt và nhân của hạt và các sản phẩm thực vật khác (kể cả rễ rau diếp xoăn chưa rang thuộc loài <i>Cichorium intybus satibium</i>) chủ yếu dùng làm thức ăn cho người, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.	Tươi hoặc khô, chưa cắt, chưa nghiền hoặc xay thành bột
1213	00	00	Rơm, rạ và trấu từ cây ngũ cốc, chưa xử lý, đã hoặc chưa băm, nghiền, ép hoặc làm thành dạng viên.	Chưa băm, nghiền, ép hoặc chưa làm thành dạng viên

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Ghi chú
12.14			Cải củ Thụy Điển, cải cầu vòng (mangold), rễ củ khô, củ khô, củ linh lăng, củ ba lá, cây hồng đậu, cải xoăn, đậu lu-pin, đậu tằm và các sản phẩm tương tự dùng làm thức ăn cho gia súc, đã hoặc chưa làm thành viên.	Nguyên củ, nguyên cây, nguyên dạng
			Chương 13	
			Nhựa cánh kiến đỏ; gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết xuất từ thực vật khác	
13.01			Nhựa cánh kiến đỏ; gôm tự nhiên, nhựa cây, nhựa gôm và nhựa dầu tự nhiên (ví dụ, nhựa thơm từ cây balsam).	Chưa qua chế biến
			Chương 14	
			Vật liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	
14.01			Nguyên liệu thực vật chủ yếu dùng để tết bện (như: tre, song, mây, sậy, liễu gai, cây bắc, cọ sợi, các loại rơm, rạ ngũ cốc đã làm sạch, tẩy trắng hoặc đã nhuộm và vỏ cây đoạn).	Chưa chuội, chưa tẩy hoặc chưa nhuộm
1404	90	99	Vật liệu thực vật chủ yếu dùng để lót hoặc nhồi (ví dụ: bông gao, lông thực vật và rong liễu) đã hoặc chưa làm thành lớp có hoặc không có nguyên liệu phụ trợ.	Chưa làm thành lớp, không sử dụng nguyên liệu phụ trợ
1404	90	99	Vật liệu thực vật chủ yếu dùng làm chổi hoặc làm bàn chải (ví dụ: cây ngũ cốc dùng làm chổi, sợi cọ, cỏ băng, sợi thừa) đã hoặc chưa làm thành nùi hoặc thành bó.	Chưa làm thành nùi hoặc thành bó
			Chương 18	
			Ca cao và các chế phẩm từ ca cao	
1801	00	00	Hạt ca cao, đã hoặc chưa vỡ mảnh, sống hoặc đã rang.	Nguyên hạt chưa vỡ mảnh, sống
			Chương 40	

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Ghi chú
		Cao su và các sản phẩm bằng cao su	
40.01		Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cóc cao su, nhựa chicle và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải.	Mủ cao su tự nhiên chưa tiền lưu hoá và các loại nhựa tự nhiên tương tự ở dạng nguyên sinh
		Chương 53	
		Xơ dệt gốc thực vật khác; sợi giấy và vải dệt thoi từ sợi giấy	
53.03		Đay và các loại xơ libe dệt khác (trừ lanh, gai dầu và ramie), dạng nguyên liệu thô hoặc đã chế biến nhưng chưa kéo thành sợi; xơ dạng ngắn và phế liệu của các loại xơ này (kể cả phế liệu sợi và sợi tái chế).	Đay và các loại xơ libe dệt khác ở dạng nguyên liệu thô chưa kéo thành sợi
53.05		Xơ dừa, xơ chuối abaca (<i>Manila hemp</i> hoặc <i>Musa textilis Nee</i>), xơ gai ramie và xơ dệt gốc thực vật khác, chưa được ghi hay chi tiết ở nơi khác hoặc kể cả, thô hoặc đã chế biến nhưng chưa kéo thành sợi; xơ dạng ngắn, xơ vụn và phế liệu của các loại xơ này (kể cả phế liệu sợi và sợi tái chế).	Ở dạng nguyên liệu thô